

Số: 08/2020/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy định về quản lý Vật liệu xây dựng
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư số 50/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH11 ngày 17/11/2010; Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Luật Thương mại số: 36/2005/QH11, ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 Nghị định của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 95/2019/NĐ-CP ngày 16/12/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng và các Nghị định có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 29/TTr-SXD ngày 06/3/2020 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 26/BCTĐ-STP ngày 28/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/4/2020 và thay thế Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - V0-4, Các CVNCTH VP;
 - Lưu: VT, XD4.
- 40b QĐ 3-17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy

**QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08 /2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định về quản lý về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bao gồm: Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, chất lượng vật liệu xây dựng.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (theo quy định của pháp luật của Việt Nam) tham gia các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý vật liệu xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thống nhất quản lý về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và UBND cấp xã, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công tác quản lý về vật liệu xây dựng được triển khai thường xuyên, đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nhằm tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, đáp ứng được nhu cầu về vật liệu xây dựng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng trên thị trường và vật liệu xây dựng được đưa vào các công trình xây dựng phải đúng theo các tiêu chuẩn được công bố áp dụng và quy chuẩn quy định.
3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu đầu tư cải tạo các dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, đầu tư dây chuyền hiện đại, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và khoáng sản; tạo ra sản phẩm có chất lượng, giá trị cao, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và đảm bảo môi trường, cảnh quan. Xây dựng, đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung và dây chuyền sản xuất cát nhân tạo để thay thế nguồn cát tự nhiên.

**CHƯƠNG II
QUẢN LÝ DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

- Điều 3. Quản lý sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, gạch ốp lát, vôi...).**

1. Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng phải phù hợp với quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và được chấp thuận đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng.

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ.

3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ qua trắc môi trường.

4. Quyết định giao đất, cho thuê đất, Hợp đồng thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

5. Giấy phép xây dựng được cấp theo quy định Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng.

6. Sản phẩm vật liệu xây dựng đưa ra thị trường phải được công bố chất lượng phù hợp theo QCVN 16:2014/BXD hoặc phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng. Các loại vật liệu đầu vào phải có chất lượng phù hợp và có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp. Quyết định giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định.

7. Điều chỉnh Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5, Điều 61 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

8. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, các quy định của pháp luật về: Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quản lý dự án sản xuất vật liệu xây dựng không nung

1. Dự án sản xuất vật liệu xây dựng không nung phải phù hợp với quy hoạch và được cấp có thẩm quyền cho phép. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Các loại nguyên liệu là phụ gia, phế thải của các ngành công nghiệp khác dùng để sản xuất vật liệu xây dựng không nung phải được kiểm nghiệm có kết quả phù hợp để sản xuất vật liệu xây dựng, được vận chuyển, lưu giữ tại các kho, bãi, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo các quy định về môi trường và phù hợp các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Sản phẩm vật liệu xây dựng không nung đưa ra thị trường phải được công bố chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2016/BXD hoặc phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng. Quyết định giá bán và niêm yết công khai giá bán theo quy định.

4. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, các quy định của pháp luật về Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Việc điều chỉnh Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng không nung được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 61 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 14, Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 5. Quản lý sản xuất bê tông

1. Quản lý sản xuất bê tông thương phẩm (*bê tông xi măng, bê tông nhựa*)

a. Dự án sản xuất bê tông thương phẩm phải phù hợp với các quy hoạch và địa điểm phải được UBND tỉnh đồng ý. Thực hiện đầy đủ các quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 3 của Quy định này.

b. Các loại nguyên liệu đầu vào (*cát, đá, xi măng, phụ gia, nước, bi tum...*) phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và những nguyên liệu thuộc diện phải công bố chất lượng thì phải được công bố chất lượng theo quy định (*có bản công bố, phiếu kiểm nghiệm kèm theo*).

c. Sản phẩm bê tông thương phẩm phải được công bố chất lượng theo tiêu chuẩn áp dụng. Giá bán phải được niêm yết công khai và được Sở Xây dựng công bố giá theo quy định.

d. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, các quy định của pháp luật về: Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quản lý Dự án sản xuất bê tông đúc sẵn

a. Dự án sản xuất bê tông đúc sẵn phải phù hợp với các quy hoạch và địa điểm phải được UBND tỉnh đồng ý. Có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 3 của Quy định này.

b. Các loại nguyên liệu đầu vào (*cát, đá, xi măng, phụ gia, nước*) phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và được công bố chất lượng theo quy định (*có bản công bố, phiếu kiểm nghiệm kèm theo*).

c. Sản phẩm bê tông đúc sẵn phải được công bố chất lượng theo tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2016/BXD (*nếu có*). Giá bán phải được niêm yết công khai và được Sở Xây dựng công bố giá theo quy định.

d. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, các quy định của pháp luật về: Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quản lý kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Hàng hóa vật liệu xây dựng phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được công bố chất lượng sản phẩm theo quy định, có đầy đủ tài liệu hướng dẫn cho người tiêu dùng.

2. Giá bán phải được niêm yết công khai và được Sở Xây dựng công bố theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa vật liệu xây dựng tại các bến, bãi tập kết, ngoài việc thực hiện các quy định của các khoản 1, 2, 3 của Điều này còn phải thực hiện đầy đủ các quy định về cảng thủy nội địa và bến, bãi tập kết theo quy định của pháp luật.

4. Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, các quy định của pháp luật về: Thương mại, Xây dựng, Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, Lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng

1. Sản phẩm vật liệu xây dựng tham gia thị trường phải đạt tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật đã công bố; phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

2. Những sản phẩm vật liệu xây dựng chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất.

3. Sản phẩm vật liệu xây dựng có nhãn thì phải được ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá.

4. Sản phẩm vật liệu xây dựng đã được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phải tuân thủ quy định của Pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về dấu hợp quy và sử dụng hợp quy.

Điều 8. Quản lý hàng hóa vật liệu xây dựng xuất nhập khẩu

1. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 1, Điều 36, Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 Nghị định của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 2, Điều 36, Nghị định 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 Nghị định của Chính Phủ về quản lý vật liệu xây dựng. Sản phẩm vật liệu xây dựng nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và được công bố phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt nam (đối với hàng hóa đã có quy chuẩn).

CHƯƠNG III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, THANH TRA; XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm về tình hình hoạt động của đơn vị gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng.

2. Định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của tháng thứ 3 của quý), các đơn vị sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng có trách nhiệm gửi Quyết định hoặc thông báo giá bán các loại sản phẩm vật liệu xây dựng về UBND cấp huyện và Sở Xây dựng tổng hợp, công bố công khai trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

Điều 10. Thanh tra, kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, gồm:

a. Các hoạt động khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo thiết kế được thẩm định, phê duyệt; các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng; an toàn vệ sinh lao động trong quá trình khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng.

b. Nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất bê tông thương phẩm, bê tông nhựa.

c. Nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng của vật liệu xây dựng trên thị trường; các bến, bãi tập kết vật liệu xây dựng; kinh doanh vật liệu xây dựng; kê khai giá, công bố giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy vật liệu xây dựng.

d. Các nội dung khác liên quan đến quản lý vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thanh tra, kiểm tra theo từng lĩnh vực quản lý.

Điều 11. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có những hành vi vi phạm Quy định này và các quy định khác của pháp luật tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

2. Cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở các tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh hoặc trục lợi cá nhân tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Các sở, ngành, UBND cấp huyện không nghiệm thu đưa vào sử dụng đối với các dự án, công trình sử dụng vật liệu xây dựng không rõ nguồn gốc, xuất xứ; không đảm bảo chất lượng vật liệu xây dựng đầu vào theo quy định.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hạng mục, công việc, dự án đã và đang triển khai trước khi Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh.

2. Đối với hạng mục, công việc, dự án chưa triển khai sau khi Quy định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./w

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy